

BÀN VỀ VĂN BẢN CÔNG CHỨNG ĐIỆN TỬ

Phạm Thị Thuý Hồng¹

Nguyễn Chí Khang²

Tóm tắt: Cách mạng công nghiệp 4.0 tác động trực diện đến nhiều mặt đời sống xã hội, trong đó có sự thay đổi nhận thức về hoạt động công chứng. Quá trình ứng dụng mạnh mẽ những thành tựu khoa học công nghệ, nhất là sự gia tăng quá trình chuyển đổi số đang là thách thức lớn đối với những tư duy pháp lý truyền thống, đòi hỏi những điều chỉnh thích ứng. Dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi) lần đầu tiên ghi nhận công chứng điện tử, đây được xem là cơ sở cho quá trình chuyển đổi số trong hoạt động công chứng. Trong giới hạn nghiên cứu, bài viết chỉ ra sự hiện hữu của văn bản công chứng điện tử và đề xuất một số kiến nghị phát huy giá trị thành tựu của văn bản công chứng điện tử trên thực tế.

Từ khóa: Chuyển đổi số trong hoạt động công chứng; công chứng điện tử; văn bản công chứng điện tử

Nhận bài: 09/10/2023

Hoàn thành biên tập: 30/10/2023

Duyệt đăng: 01/11/2023

Abstract: Industrial Revolution 4.0 directly impacts many aspects of social life, including changes in the perception of the notary activities. The strong application of scientific and technological achievements, especially the increase in digital transformation, which is a major challenge to traditional legal thinking and requires adaptive adjustments. The draft Law on Notarization (amended) recognizes electronic notarization for the first time, which is considered as the basis for the digital transformation process in notary activities. Within the limits of research, the article points out the existence of electronic notarized documents and proposes some recommendations to promote the value of achievements of electronic notarized documents in practice.

Keyword: Digital transformation in notary activities; electronic notarization; electronic notarized documents.

Date of receipt: 09/10/2023

Date of revision: 30/10/2023

Date of approval: 01/11/2023

Đặt vấn đề:

Trên thế giới, với sự phát triển nhanh chóng của khoa học - kỹ thuật nói chung và công nghệ thông tin nói riêng, công chứng điện tử đang giữ vai trò rất quan trọng trong các giao dịch của đời sống xã hội.

Ở Việt Nam, hoạt động công chứng đã và đang khẳng định được vai trò, vị trí, góp phần quan trọng trong việc duy trì trật tự, an toàn pháp lý của các giao dịch trong đời sống xã hội. Tuy nhiên, đứng trước tình hình hiện nay hoạt động công chứng đặt ra nhiều vấn đề cần được giải quyết, điển hình là vấn đề thực hiện công chứng trên môi trường điện tử. Phù hợp với xu thế này, Dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi) đã có những

nội dung ghi nhận về công chứng điện tử, văn bản công chứng điện tử.

1. Khái niệm văn bản công chứng điện tử

Trong đời sống xã hội nói chung, trong hoạt động công chứng nói riêng, giao dịch dân sự là công cụ pháp lý hữu ích để chủ thể tham gia thỏa mãn nhu cầu thỏa thuận cả về vật chất lẫn tinh thần. Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “1. Giao dịch dân sự được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể. Giao dịch dân sự thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử được coi là giao dịch bằng văn bản”³. Thông qua hình thức giao dịch dân sự bằng văn bản, trong đó bao gồm văn

¹ Thạc sỹ, Trưởng Khoa Đào tạo Công chứng viên và các chức danh khác, Học viện Tư pháp.

² Công chứng viên, Văn phòng Công chứng Triệu Tấn Thọ, thành phố Cần Thơ; Thạc sỹ, nghiên cứu sinh, Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

³ Khoản 1 Điều 119 Bộ luật Dân sự năm 2015.



bản thông thường và văn bản có công chứng, chứng thực.

Trên thế giới, hầu hết các quốc gia chỉ ghi nhận giá trị pháp lý của giao dịch điện tử. Luật Thống nhất về giao dịch điện tử Hoa Kỳ năm 1999 (UETA) quy định: “*Một hợp đồng không mất đi hiệu lực pháp lý chỉ vì nó được hình thành bằng một bản ghi điện tử*”⁴. Luật Giao dịch điện tử Canada năm 2001 quy định: “*Hợp đồng không bị vô hiệu hoặc không thể thực thi chỉ bởi lý do thông tin hoặc bản ghi điện tử đã được sử dụng để thiết lập hợp đồng*”⁵. Luật Giao dịch điện tử năm 1998 của Singapore quy định: “*Trường hợp một bản ghi điện tử được sử dụng trong việc hình thành hợp đồng, thì hợp đồng đó không bị phủ nhận giá trị pháp lý hoặc hiệu lực thực thi chỉ vì lý do duy nhất một bản ghi điện tử đã được sử dụng cho mục đích đó*”⁶.

Dưới góc độ nghiên cứu lý thuyết, một số tác giả đã đề cập đến khái niệm giao dịch điện tử, cụ thể:

Luật sư Oliver - Đoàn Luật sư Paris quan niệm: “*Hợp đồng điện tử là sự gặp gỡ trên mạng viễn thông quốc tế giữa một lời đề nghị giao kết hợp đồng thể hiện bằng phương tiện nghe nhìn và một lời chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng. Sự gặp gỡ này có thể được thực hiện một cách tức thời, nhờ sự trao đổi tương tác*”⁷. Theo tác giả, thực chất hợp đồng điện tử là một sự giao kèo giữa các bên thông qua mạng điện tử.

Hai học giả Sarabdeen Jawahitha và Noor Raihan Ab Hamid cho rằng: “*Hợp đồng điện tử được coi là những lời hứa hoặc tập hợp những lời hứa có thể thực thi được về mặt pháp luật được giao kết bằng phương tiện điện tử*”⁸. Theo tác giả, hợp đồng điện tử được hiểu là những lời hứa được giao kết thông qua thư điện tử hoặc qua trang web.

Tác giả Jan Vucka và Zbynek nhìn nhận: “*Hợp đồng điện tử là những hợp đồng được giao kết qua mạng máy tính. Các bên tham gia hợp*

đồng không gặp mặt trực tiếp và việc ký kết hợp đồng được thực hiện thông qua việc trao đổi thông điệp dữ liệu. Thông điệp dữ liệu được coi là bằng chứng cho việc ký kết hợp đồng”⁹. Theo tác giả, hợp đồng điện tử được giao kết thông qua hình thức trao đổi thông điệp dữ liệu mà không cần sự gặp gỡ trực tiếp giữa các bên.

Nhìn chung, các nhà nghiên cứu trên thế giới đều đồng ý rằng thực chất hợp đồng điện tử được giao kết thông qua phương thức điện tử và không cần sự gặp gỡ trực tiếp giữa các chủ thể tham gia.

Ở Việt Nam, Bộ luật Dân sự năm 2015 chỉ ghi nhận giá trị pháp lý của giao dịch điện tử, theo đó: “*Giao dịch dân sự thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử được coi là giao dịch bằng văn bản*”¹⁰.

Ngày 01/07/2024, Luật Giao dịch điện tử năm 2023 có hiệu lực thi hành có nhắc đến khái niệm giao dịch điện tử, theo đó: “*Giao dịch điện tử là giao dịch được thực hiện bằng phương tiện điện tử*”¹¹. Tuy nhiên, nhìn nhận khái niệm giao dịch điện tử ở Luật Giao dịch điện tử năm 2023 cho thấy chưa bao quát tính cụ thể trong cách định nghĩa, chỉ dừng lại ở việc ghi nhận sự khác biệt giữa giao dịch thông thường với giao dịch điện tử.

Chi tiết hóa Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Giao dịch điện tử năm 2023 và tiếp tục thể chế hóa các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng về việc tiếp tục, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới, Dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi) đã ghi nhận văn bản công chứng điện tử - một hình thức giao dịch điện tử.

Khoản 4 Điều 2 Dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi) quy định: “*Văn bản công chứng điện tử là văn bản công chứng được tạo lập bằng phương thức công chứng điện tử*”.

Theo tác giả, văn bản công chứng điện tử nên được ghi nhận giá trị pháp lý như cách thức mà

⁴ Section 7 Uniform Electronic Transactions Act (1999).

⁵ Article 15 Electronic Transactions Act of Canada (2001).

⁶ Article 11 Electronic Transactions Act of Singapore (1998).

⁷ Nhà Pháp luật Việt – Pháp (1999), *Khoảng không vũ trụ, mạng không gian và thông tin viễn thông (tiến bộ công nghệ và các vấn đề pháp lý)*, Kỷ yếu hội thảo Pháp – Việt, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.106.

⁸ Sarabdeen Jawahitha – Noor Raihan Ab Hamid, *Electronic contract and the legal environment*, pp.1 – 2

⁹ Jan Vucka và Zbynek Loebl, *Electronic Contract Law*.

¹⁰ Khoản 1 Điều 119 Bộ luật Dân sự năm 2015.

¹¹ Khoản 1 Điều 3 Luật Giao dịch điện tử năm 2023.

các quốc gia trên thế giới cũng như Bộ luật Dân sự năm 2015 hiện hành đang điều chỉnh.

Theo đó, tác giả đề xuất sửa đổi khoản 4 Điều 2 Dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi) thành: “*Văn bản công chứng được tạo lập thông qua phương thức điện tử theo quy định pháp luật về giao dịch điện tử được coi là văn bản công chứng điện tử*”. Với cách định nghĩa này vừa đảm bảo đầy đủ về mặt nội dung, vừa đảm bảo sự tương thích với pháp luật quốc gia và luật pháp quốc tế.

2. Những điểm khác biệt cơ bản giữa văn bản công chứng điện tử và văn bản công chứng truyền thống

Văn bản công chứng điện tử là hình thức ghi nhận sự thỏa thuận giữa các chủ thể tham gia về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền và nghĩa vụ thông qua phương thức điện tử dưới dạng thông điệp dữ liệu.

Về sự ưng thuận: Trong văn bản công chứng điện tử thông qua việc sử dụng những công cụ và giao thức của thông điệp dữ liệu, liệu rằng ý chí của sự ưng thuận có thật sự dễ dàng được biểu đạt như là văn bản công chứng truyền thống. Một thao tác nhấp chuột hay một thao tác gõ bàn phím đủ rõ ràng cho sự thống nhất thỏa thuận ý chí giữa các chủ thể tham gia hay chưa? Và khi có sự thay đổi, điều chỉnh ý chí thì cách thức nào cho sự lựa chọn thay đổi và điều chỉnh? Do đó, để thích ứng với hoàn cảnh mới cần bổ sung những quy định để xác định khi nào một lời đề nghị được ra và khi nào thì biểu hiện của sự ưng thuận lời đề nghị được coi là chấp nhận.

Về chủ thể: Trong văn bản công chứng điện tử, ngoài các bên tham gia giao dịch dân sự còn có sự xuất hiện của các chủ thể khác có liên quan như các tổ chức cung cấp dịch vụ mạng và tổ chức hành nghề công chứng chứng nhận văn bản công chứng điện tử trên môi trường điện tử. Những tổ chức cung cấp dịch vụ mạng và tổ chức hành nghề công chứng thực hiện chức năng gửi, lưu trữ thông tin giữa các bên tham gia xác lập giao dịch dân sự và cung cấp những thông tin cần thiết xác nhận mức độ tin cậy của thông điệp dữ liệu trong giao kết và thực hiện văn bản công chứng điện tử. Do vậy, cần có những quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ pháp lý của nhóm chủ thể cung cấp dịch vụ mạng và tổ chức hành nghề công chứng chứng nhận văn bản công chứng điện tử trên môi trường điện tử. Đồng thời,

việc giao kết và thực hiện văn bản công chứng điện tử được thực hiện trên môi trường ảo nên việc xác định chính xác năng lực chủ thể và thông tin chủ thể là không đơn giản, do đó cần có những hướng dẫn cụ thể về tiêu chí, cách thức thực hiện và cơ chế đảm bảo loại trừ rủi ro.

Về ký kết: Trong văn bản công chứng phải có đầy đủ chữ ký của các chủ thể tham gia nhằm khẳng định sự thống nhất thỏa thuận về những điều khoản của giao dịch dân sự. Đối với văn bản công chứng điện tử, việc tạo lập chữ ký hay đóng dấu của tổ chức hành nghề công chứng sẽ có sự khác biệt so với văn bản công chứng truyền thống. Với văn bản công chứng truyền thống, công chứng viên chỉ cần ký tên (ký tay) và đóng dấu (trực tiếp) của tổ chức hành nghề công chứng vào văn bản công chứng thì văn bản công chứng phát sinh hiệu lực. Đối với văn bản công chứng điện tử, công chứng viên sử dụng thiết bị và phần mềm chuyên dụng số hóa giao dịch dân sự mà người yêu cầu công chứng đã ký và ký chứng nhận giao dịch dân sự đó bằng chữ ký số. Do vậy, cần hướng dẫn cụ thể cách thức số hóa giao dịch dân sự, cách thức ký chữ ký số và cách thức xác nhận dữ liệu của cơ sở dữ liệu công chứng toàn quốc.

Về quy trình: Theo quy trình công chứng truyền thống được hướng dẫn tại Điều 40 và Điều 41 Luật Công chứng năm 2014, gần như các bước của quy trình phải có sự gặp gỡ trực tiếp giữa người yêu cầu công chứng và công chứng viên để thực hiện việc chứng nhận hợp đồng, giao dịch. Dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi) cho phép người yêu cầu công chứng có thêm lựa chọn trong việc thực hiện công chứng hợp đồng, giao dịch trên môi trường điện tử thông qua 02 quy trình công chứng điện tử (trực tiếp hoặc trực tuyến).

- *Đối với quy trình công chứng điện tử trực tiếp:*

Nhìn tổng thể quy trình công chứng điện tử trực tiếp theo quy định tại khoản 1 Điều 62 Dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi) chỉ khác biệt so với quy trình công chứng truyền thống từ khâu ký hồ sơ (người yêu cầu công chứng ký), soạn thảo hợp đồng, giao dịch, ghi lời chứng và ký chứng nhận (công chứng viên ký) cho đến số hóa tài liệu lưu trữ gửi đến cơ sở dữ liệu công chứng toàn quốc. Dù lựa chọn không sử dụng hay sử dụng chữ ký số, công chứng viên



cũng thực hiện ghi lời chứng và ký chứng nhận hợp đồng, giao dịch bằng chữ ký số, sau đó sử dụng thiết bị và phần mềm chuyên dụng số hóa toàn bộ giấy tờ do người yêu cầu công chứng xuất trình; đính kèm với văn bản công chứng, gửi toàn bộ các tài liệu này về cơ sở dữ liệu công chứng toàn quốc để đảm bảo hiệu lực của văn bản công chứng điện tử. Do vậy, có thể nhận thấy rằng điểm (c) và điểm (d) khoản 1 Điều 62 Dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi) quy định chưa thật sự rõ nghĩa, theo tác giả nên điều chỉnh thành:

“c) Trường hợp người yêu cầu công chứng lựa chọn không sử dụng chữ ký số, sau khi đồng ý toàn bộ nội dung trong dự thảo hợp đồng, giao dịch thì người yêu cầu công chứng ký trực tiếp vào từng trang của hợp đồng, giao dịch trước sự chứng kiến của công chứng viên; công chứng viên sử dụng thiết bị và phần mềm chuyên dụng số hóa văn bản hợp đồng, giao dịch đã ký;

Trường hợp người yêu cầu công chứng lựa chọn sử dụng chữ ký số, công chứng viên soạn thảo hợp đồng, giao dịch theo đề nghị của người yêu cầu công chứng trên môi trường điện tử; người yêu cầu công chứng đồng ý toàn bộ nội dung trong dự thảo hợp đồng, giao dịch thì ký bằng chữ ký số vào từng trang của hợp đồng, giao dịch trước sự chứng kiến của công chứng viên.

d) Công chứng viên ghi lời chứng và ký chứng nhận hợp đồng, giao dịch bằng chữ ký số”.

- Đối với quy trình công chứng điện tử trực tuyến:

Khác với quy trình công chứng điện tử trực tiếp, quy trình công chứng điện tử trực tuyến theo quy định tại khoản 2 Điều 62 Dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi) bắt buộc người yêu cầu công chứng phải lựa chọn giải pháp sử dụng chữ ký số cho việc ký tên vào hợp đồng, giao dịch. Về cách sử dụng thuật ngữ cho quy định liên quan đến quy trình công chứng điện tử trực tuyến, tác giả nhận thấy thuật ngữ “*thông qua các phương tiện truyền hình trực tuyến*” là không cần thiết quy định, bởi để thực hiện thông qua phương thức điện tử trực tuyến công chứng viên cần được trang bị những công cụ số để thực hiện, do đó chỉ cần quy định “*người*

yêu cầu công chứng ký vào văn bản giao dịch, hợp đồng bằng chữ ký số trước sự chứng kiến của công chứng viên” là đủ nghĩa. Tuy nhiên, cần quy định rõ việc ký vào văn bản, giao dịch bằng chữ ký số cũng phải được ký từng trang. Do vậy, tác giả đề xuất điều chỉnh khoản 2 Điều 62 Dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi) thành:

“2. Công chứng điện tử trực tuyến:

Thực hiện theo quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 Điều này; công chứng viên đối chiếu, kiểm tra thông tin về các bên tham gia hợp đồng, giao dịch và giấy tờ tài liệu liên quan đến hợp đồng, giao dịch thông qua các cơ sở dữ liệu có liên quan; người yêu cầu công chứng ký vào từng trang của văn bản giao dịch, hợp đồng bằng chữ ký số trước sự chứng kiến của công chứng viên; công chứng viên tập hợp kết quả đối soát giấy tờ, tài liệu liên quan đến hợp đồng, giao dịch, đính kèm với văn bản công chứng, gửi toàn bộ các tài liệu này về cơ sở dữ liệu công chứng toàn quốc”.

3. Thời điểm phát sinh hiệu lực của văn bản công chứng điện tử

Thực tế hiện nay, những cơ quan, tổ chức hữu quan cũng như những cơ quan tài phán (như Tòa án, Trọng tài) chưa thật sự “*manh dạn*” thừa nhận tính pháp lý của chứng cứ điện tử. Trong khi, hoàn toàn có cơ sở pháp lý đầy đủ và vững tin cho việc viện dẫn căn cứ chứng minh giá trị pháp lý của chứng cứ điện tử.

Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

“Giao dịch dân sự thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử được coi là giao dịch bằng văn bản”¹².

Luật Giao dịch điện tử năm 2023 quy định:

“Thông tin trong thông điệp dữ liệu không bị phủ nhận giá trị pháp lý chỉ vì thông tin đó được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu¹³; “Thông điệp dữ liệu được dùng làm chứng cứ theo quy định của Luật này và pháp luật về tố tụng”¹⁴;... Điều đó đồng nghĩa, thông điệp dữ liệu không thể bị phủ nhận giá trị dùng làm chứng cứ.

Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/04/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử quy định:

¹² Khoản 1 Điều 119 Bộ luật Dân sự năm 2015.

¹³ Điều 8 Luật Giao dịch điện tử năm 2023.

¹⁴ Khoản 1 Điều 11 Luật Giao dịch điện tử năm 2023.

“Thành phần hồ sơ được ký chữ ký số có giá trị pháp lý như văn bản giấy được ký hợp lệ”¹⁵; “Bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc có giá trị sử dụng thay cho bản chính trong các giao dịch, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”¹⁶; “Kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử được chuyển đổi từ văn bản giấy có giá trị như văn bản giấy trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác”¹⁷;...

Dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi) cũng đã đưa ra nội dung quy định về giá trị pháp lý của văn bản công chứng điện tử, theo đó:

“Văn bản công chứng điện tử có hiệu lực kể từ thời điểm được công chứng viên ký bằng chữ ký số và có xác nhận của cơ sở dữ liệu công chứng toàn quốc”¹⁸. Theo đó, thời điểm phát sinh hiệu lực của văn bản công chứng điện tử được xác định “kể từ thời điểm” được công chứng viên ký bằng chữ ký số và có xác nhận của cơ sở dữ liệu công chứng toàn quốc. Hoàn toàn đồng ý với việc sử dụng thuật ngữ “kể từ thời điểm” để xác định hiệu lực của văn bản công chứng điện tử. Bởi, việc xác định thuật ngữ “kể từ ngày” như Luật Công chứng năm 2014 chưa thật sự phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về dân sự. Hơn nữa, thực tế hoạt động công chứng cho thấy việc xác định hiệu lực văn bản công chứng “kể từ thời điểm” sẽ đầy đủ và chính xác hơn cho việc tính hiệu lực của các giao dịch dân sự.

4. Một số kiến nghị

Thứ nhất, thí điểm triển khai công chứng điện tử.

Hoạt động công chứng điện tử và quy trình tạo ra sản phẩm văn bản công chứng điện tử cần được nhanh chóng xây dựng và đưa vào thử nghiệm, trước mắt có thể bắt đầu từ việc công chứng từ xa, công chứng trực tuyến ở một số tỉnh, thành trực thuộc trung ương. Kết thúc quá trình thí điểm, đúc kết kinh nghiệm để triển khai áp dụng rộng rãi trên phạm vi toàn quốc.

Thứ hai, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về văn bản công chứng điện tử.

Trước khi ban hành mới các quy định liên quan đến văn bản công chứng điện tử cần rà soát và hệ thống hóa lại những văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để tránh sự trùng lặp, mâu thuẫn. Thực hiện tốt việc rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về văn bản công chứng điện tử không những phục vụ trực tiếp cho việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật, mà còn giúp cho chủ thể tham gia nắm bắt dễ dàng, nhanh chóng quy định pháp luật về văn bản công chứng điện tử.

Thứ ba, xây dựng thiết chế công chứng điện tử.

Những năm gần đây, hoạt động tư pháp, hỗ trợ tư pháp nói chung và hoạt động công chứng nói riêng đang được quan tâm đúng mức. Tuy nhiên, để thiết chế công chứng điện tử đáp ứng được những yêu cầu chính đáng, hợp pháp của người yêu cầu công chứng cần ghi nhận, khẳng định vị trí, vai trò của hoạt động công chứng điện tử trong các văn bản quy phạm pháp luật. Đồng thời, xây dựng cơ sở vật chất cần thiết (như hạ tầng mạng, đường truyền, máy chủ...) và xây dựng những giải pháp công nghệ (như chữ ký điện tử, con dấu điện tử, cách thức xác định danh tính chủ thể bằng phương tiện điện tử, bảo mật thông tin giao dịch điện tử, giải quyết tranh chấp điện tử...).

Thứ tư, nâng cao nhận thức về văn bản công chứng điện tử.

Nhận thức chưa đúng, chưa đầy đủ và chưa thống nhất về vị trí, vai trò của văn bản công chứng điện tử đối với đời sống xã hội hiện nay là nguyên nhân chính yếu dẫn đến giá trị pháp lý của văn bản công chứng điện tử chưa được nâng cao. Đồng thời, mức độ nhận thức việc chuyển đổi số và hội nhập quốc tế chưa bắt nhịp với nhận thức về bản chất, nhiệm vụ của công chứng nên gây ra những trở ngại nhất định cho việc nâng cao giá trị pháp lý của văn bản công chứng điện tử. Do đó, cần tăng cường tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức về văn bản công chứng điện tử...

(Xem tiếp trang 33)

¹⁵ Điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/04/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

¹⁶ Điểm b khoản 3 Điều 10 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/04/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

¹⁷ Khoản 4 Điều 25 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/04/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

¹⁸ Khoản 1 Điều 5 Dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi).

thực hiện được. Vì vậy, để bảo đảm sự bình đẳng của các tổ chức đấu giá tài sản, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của người có tài sản đấu giá cần thiết phải bổ sung tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ của người có tài sản đấu giá sau khi thanh lý hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với tổ chức đấu giá tài sản.

Kết luận:

Xuất phát từ thực trạng triển khai áp dụng Thông tư số 02/2022/TT-BTP còn nhiều vướng mắc, gây khó khăn cho người có tài sản trong việc đánh giá, lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản với lo ngại chấm điểm không chuẩn, không đúng dẫn tới phải giải quyết khiếu nại, thắc mắc không đáng có. Nghiêm trọng hơn, còn có tình trạng tổ chức đấu giá tài sản cố tình tạo biên bản đấu giá

thành để kê khai chênh lệch cao bất thường giữa giá khởi điểm với giá trúng đấu giá, việc kê khai không đúng số thuế thực chất nộp để được lựa chọn gây ra tình trạng bất bình đẳng trong việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản. Đề tạo hành lang pháp lý công bằng, minh bạch trong việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản cần phải sớm chỉnh sửa, bổ sung các quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTP./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Văn Chung, 21:57, 30/5/2023, “Một số khó khăn, vướng mắc trong việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản”, *Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam*.
2. Sở Tư pháp Thừa Thiên Huế, Hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản <http://stp.thuat.hienhue.gov.vn>, truy cập ngày 27/9/2022.

BÀN VỀ VĂN BẢN CÔNG CHỨNG ĐIỆN TỬ

(Tiếp theo trang 27)

Thứ năm, xây dựng chiến lược đào tạo nguồn nhân lực.

Dù giao dịch dân sự được thực hiện dưới hình thức truyền thống hay điện tử vẫn cần sự điều khiển, giám sát và thực hiện bởi con người. Để đáp ứng kịp thời sự phát triển của quá trình chuyển đổi số và ứng dụng vào hoạt động công chứng điện tử hiệu quả, chuyên sâu cần nhiều hơn nữa cho việc phát triển nguồn nhân lực. Các tổ chức hành nghề công chứng cần chủ động tổ chức đào tạo nguồn nhân lực tại đơn vị hoặc cử cán bộ, công chứng viên, thư ký nghiệp vụ tham gia các chương trình tập huấn về hoạt động công chứng điện tử tại các cơ quan quản lý liên quan.

Thứ sáu, tăng cường hợp tác quốc tế.

Xây dựng khung pháp lý liên quan đến văn bản công chứng điện tử cần phù hợp với luật pháp và thông lệ quốc tế. Thông qua hợp tác quốc tế trong xây dựng và ban hành pháp luật về văn bản công chứng điện tử sẽ góp phần tích cực trong việc đảm bảo sự tương thích với chuẩn mực pháp lý quốc tế. Đặc biệt, cần ưu tiên hợp tác song phương với các quốc gia có nền kinh tế phát triển với trình độ tiên tiến về giao dịch điện tử, có ký nghiệm trong quá trình giao kết và thực hiện giao dịch điện tử thông qua hình thức hội thảo, hội nghị, trao đổi, khảo sát kinh nghiệm...

Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ sẽ cho ra đời phương thức giao dịch mới đó là văn bản công chứng điện tử – một loại hình

giao dịch điện tử. Tuy nhiên, để văn bản công chứng điện tử thật sự phát huy giá trị pháp lý việc hoàn thiện hệ thống luật pháp và xây dựng các giải pháp hỗ trợ là cần thiết.

Kết luận:

Nhìn nhận rằng, công chứng điện tử trở thành xu thế của thời đại 4.0, cần được quan tâm đúng mức nhằm đảm bảo tăng cường tính an toàn pháp lý cho các giao dịch trong đời sống xã hội. Đặc biệt, ở giai đoạn hiện nay khi mà khung pháp lý về văn bản công chứng điện tử chưa thật sự hoàn thiện thì việc tập trung thực hiện tốt các giải pháp về thể chế, về nhận thức, về hạ tầng số, về dữ liệu số và về nhân lực là cần thiết./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Article 11 Electronic Transactions Act of Singapore (1998).
2. Article 15 Electronic Transactions Act of Canada (2001).
3. Nhà Pháp luật Việt – Pháp (1999), Khoảng không vũ trụ, mạng không gian và thông tin viễn thông (tiền bộ công nghệ và các vấn đề pháp lý), Kỷ yếu hội thảo Pháp – Việt, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Jan Vucka và Zbynek Loebl, Electronic Contract Law.
5. Sarabdeen Jawahitha – Noor Raihan Ab Hamid, Electronic contract and the legal environment.
6. Section 7 Uniform Electronic Transactions Act (1999).